

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-PT  
Ngày: 21-8-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Bà Ngô Thị Bích Diệp

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:*** Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2018/TLPT-HNGĐ ngày 09/7/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án sơ thẩm số: 18/2018/HNGĐ-ST ngày 27/3/2018 của TAND thành phố C, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2018/QĐ-PT ngày, 12/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn K, sinh năm 1977. Địa chỉ thường trú: 30/1/27, đường N, tổ M, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ tạm trú: 232/8A, đường N, tổ M, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh K:* Ông Nguyễn Văn T – Luật sư – Văn phòng Luật sư A – Chi nhánh C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Luật sư A – Chi nhánh C – Số 569, đại lộ N, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1982. Địa chỉ thường trú: 30/1/27, đường N, tổ M, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ tạm trú: 69, đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Trường cao đẳng A– Số 100, đường N, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Hà Văn K.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 18/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Văn K trình bày: Anh K và chị Nguyễn Thị Thúy N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển số 01/2010, ngày 09/12/2010. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về nhiều vấn đề như quan điểm sống, việc nuôi dạy con cái trong gia đình. Mâu thuẫn giữa anh K và chị N đã phát sinh từ lâu và chị N đã từng gửi đơn xin ly hôn anh K. Hiện nay, anh K không còn tình cảm gì với chị N, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh K yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh K và chị N có hai con chung tên Hà Anh M, sinh ngày 01/6/2012 và Hà Ngọc M1, sinh ngày 28/11/2014. Hiện nay, các con chung đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Vì các lý do sau: Anh K sinh sống cùng với mẹ ruột có nhà riêng tại phường B, thời gian làm việc của anh K là trong giờ hành chính, buổi trưa có về nhà có điều kiện chăm sóc các con đi học tốt hơn trong khi chị N phải đi dạy cả ngày, đến tối lại phải dạy thêm cho các trung tâm; anh K có thu nhập hàng tháng ổn định khoảng 11.000.000 đồng/tháng đủ để lo cho cả hai con. Trước đây có lần anh K và chị N cãi nhau, chị N đã dẫn hai con đến nhà người bà con sinh sống và không cho anh K gặp các con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Chị N thống nhất về thời gian kết hôn với anh K. Tuy nhiên, theo chị N mâu thuẫn giữa anh K và chị N xuất phát từ mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, bản thân anh K lại không hòa giải cho hai bên mà chỉ đứng về phía mẹ ruột của mình đổ lỗi cho chị N nên vào năm 2013, chị N đã làm đơn xin ly hôn nhưng suy nghĩ lại, do vợ chồng còn thương nhau nên đã thỏa thuận dọn ra ở riêng. Sau khi ra ở riêng, anh K không tin tưởng chị N nên các dịp lễ giỗ bên gia đình chồng thì anh K không nói cho chị N biết. Khi vợ chồng mua bán nhà thì anh K có ý xúc phạm chị N vì cho rằng chị N không thể lo được việc nhà cửa đất đai. Mỗi lần giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh K đều ném đồ đạc và xô xát với vợ con nên chị N có phản kháng lại. Hiện nay, tuy mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu đã được giải quyết xong nhưng giữa chị N và anh K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh K không thể hàn gắn được nên chị N đồng ý ly hôn với anh K.

Về con chung: Hiện nay, hai con chung tên Hà Anh M, sinh ngày 01/6/2012 và Hà Ngọc M1, sinh ngày 28/11/2014 đều đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung vì

công việc của chị N là giảng viên tại trường Trung cấp nghề A tỉnh Bình Dương, giáo viên thỉnh giảng cho Trung tâm anh ngữ B, Trường cao đẳng nghề C, dịch thuật hợp đồng và biên bản cho Công ty TNHH D, thời gian làm việc trong giờ hành chính nên có đủ thời gian để chăm sóc con. Ngoài ra, các con chung đều có sức khỏe không tốt như: Cháu Hà Anh M thì có biểu hiện tăng động, đi học thường xuyên đánh các bạn trong lớp; còn cháu Hà Ngọc M1 thì có khả năng và hoạt động thể chất yếu hơn các cháu cùng độ tuổi nguyên nhân là do lúc được 06 tháng tuổi, cháu bị sốt cao kéo dài nên não bị tổn thương. Vì vậy các cháu rất cần sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi người con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số: 18/2018/HNGĐ-ST, ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương xử: Công nhận sự thỏa thuận giữ anh Hà Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N. Về hôn nhân: Anh Hà Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N thuận tình ly hôn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn K về việc tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Hà Anh M, sinh ngày 01/6/2012 và Hà Ngọc M1, sinh ngày 28/11/2014. Về cấp dưỡng: Anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Anh K và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/4/2018 anh Hà Văn K là nguyên đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng là không đảm bảo được quyền lợi của hai con và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh K được quyền nuôi dưỡng một trong hai con chung là cháu Hà Anh M hoặc cháu Hà Ngọc M1, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Xét về điều kiện thu nhập và điều kiện để nuôi dưỡng các con thì anh K có đầy đủ điều kiện và ổn định hơn chị N. Công việc của chị N không đảm bảo được việc nuôi dưỡng hai con. Đề nghị, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xem xét cho anh K được quyền nuôi dưỡng cháu Hà Anh M.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Bản án sơ thẩm xử giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/một con là có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh của các bên, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn K và chị Nguyễn Thị Thúy N thuận tình ly hôn. Về tài sản chung: Anh K và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các phần này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2, Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh K về việc được quyền nuôi dưỡng một trong hai cháu: Hà Anh M, sinh ngày 01/6/2012 và Hà Ngọc M1, sinh ngày 28/11/2014. Thấy rằng, chị N là giáo viên, còn anh K là sĩ quan trong quân đội. Cả hai đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại hai cháu: Hà Anh M và Hà Ngọc M1 còn nhỏ, đang sinh sống với chị N, cả hai cháu đều phát triển tốt. Để ổn định tình cảm, học tập, sức khỏe của các cháu, cần có sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của chị N. Tòa án cấp sơ thẩm giao hai con chung: Hà Anh M, sinh ngày 01/6/2012 và Hà Ngọc M1, sinh ngày 28/11/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là có xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của các bên, đảm bảo được lợi ích của các con, có căn cứ, đúng pháp luật các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của anh K và ý kiến của Luật sư nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Trường hợp, sau này chị N không làm tròn trách nhiệm nuôi dưỡng hai con thì anh K được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[3] Án phí sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí phúc thẩm: Anh K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều: 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ các Điều: 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hà Văn K. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 18/2018/HNGĐ-ST, ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương về con chung như sau: Chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung: Hà Anh M, sinh ngày

01/6/2012 và Hà Ngọc M1, sinh ngày 28/11/2014. Anh Hà Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Anh K được quyền đi lại thăm nom con, không ai được quyền cản trở, trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K. Vì quyền lợi của các con, Tòa án thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm số: 18/2018/HNGĐ-ST, ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Bình Dương về quan hệ hôn nhân và về tài sản chung không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Hà Văn K phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001346 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn K phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Anh Hà Văn K phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0021780, ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2018)/.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS tp. C;
- TAND tp. C;
- UBND phường B, tp. C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thành Trung**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Huỳnh**

**Ngô Thị Bích Diệp**

**Nguyễn Thành Trung**